**Tuần 10**

**TIẾT 37**

***LUYỆN NÓI: VĂN BIỂU CẢM VỀ SỰ VẬT, CON NGƯỜI***

I/Chuẩn bị ở nhà

-Mỗi hs chọ 1 đề sgk/129.

II/ Thực hành trên lớp.

 **TIẾT 38**

 ***TỪ TRÁI NGHĨA***

 ***( Hướng dẫn học sinh tự đọc)***

**I/ Thế nào là từ trái nghĩa.**

1.Bài tập sgk/128

\* Bài 1:

+ Ngẩng – cúi

+ Trẻ – già

+ Đi – lại

=> Có nghĩa trái ngược nhau.

 \* Bài 2:

- Rau già – rau non

-Cau già – cau non

=> Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều cặp từ trái nghĩa khác nhau.

2. Ghi nhớ 1 . SGK - T128

**II. Sử dụng từ trái nghĩa.**

\*Ghi nhớ 2/ SGK –T128

III. Luyện tập

**Bài 1 (trang 129 sgk ngữ văn 7 tập 1)**

Các cặp từ trái nghĩa:

     + Lành – rách; giàu- nghèo; ngắn – dài; đêm- ngày; sáng – tối

**Bài 2 (trang 129 sgk ngữ văn 7 tập 1)**

|  |  |
| --- | --- |
| Từ | Cặp từ trái nghĩa |
| Tươi | Cá tươi | Cá ươn |
| Hoa tươi | Hoa héo |
| Yếu | Ăn yếu | Ăn khỏe |
| Học lực yếu | Học lực giỏi |
| Xấu | Chữ xấu | Chữ đẹp |
| Đất xấu | Đất tốt |

**Bài 3 (trang 129 sgk ngữ văn 7 tập 1)**

- Chân cứng đá mềm

- Có đi có lại

- Gần nhà xa ngõ

- Mắt nhắm mắt mở

- Chạy sấp chạy ngửa

- Vô thưởng vô phạt

- Bên trọng bên khinh

- Buổi đực buổi cái

- Bước thấp bước cao

- Chân ướt chân ráo

**TIẾT 39-40**

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**ĐỀ MẪU:**

**I. Đoc –Hiểu văn bản (6 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

*... “Bố nhớ, cách đây mấy năm, mẹ đã phải thức suốt đêm, cúi mình trên chiếc nôi trông chừng hơi thở hổn hển của con, quằn quại vì nỗi lo sợ, khóc nức nở khi nghĩ rằng có thể mất con!...Nhớ lại điều ấy, bố không thể nén được cơn tức giận đối với con [...] Người mẹ sẵn sàng bỏ hết một năm hạnh phúc để tránh cho con một giờ đau đớn, người mẹ có thể đi ăn xin để nuôi con, có thể hi sinh tính mạng để cứu sống con!..”.*

*(Theo SGK Ngữ Văn 7, tập 1)*

a. Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai? (2 điểm)

b. Nêu dung chính của đoạn văn trên? (2 điểm)

c. Tìm 2 từ láy, 2 từ ghép đẳng lập có trong đoạn văn? (2 điểm)

**II. Làm văn**

Qua văn bản “ ***Mẹ tôi***” ( A- mi- xi), em hãy viết một đoạn văn ngắn ( ½ trang giấy) trình bày cảm nhận của em về ***tình cảm mẹ con.***

 **PHẦN I : ( 6 điểm )**

 **Câu 1** (2,0đ):

a. Học sinh chỉ ra được văn bản : *Mẹ tôi (1,0đ).*Tác giả: E. A-mi-xi (*1,0 đ)*

 + Mức tối đa: HS xác định đúng tên văn bản, tác giả .(2.0đ)

 + Mức chưa tối đa : HS chỉ ghi được 1 ý ( 1,0 đ).

 + Không đạt: không xác định được văn bản, tác giả (0đ)

b. Học sinh chỉ ra được nội dung : Làm nổi bật tình cảm mẹ con thiêng liêng , sự vất vả, quan tâm, hy sinh của người mẹ đối với người con của mình là En-ri-cô qua sự hồi tưởng của người bố và cách giáo dục con nhẹ nhàng , nhưng phẫn giữ được sự trang nghiêm , đúng mực (2.0 đ)

 + Mức tối đa: HS nêu đúng nội dung của đoạn văn (2.0đ)

 + Mức chưa tối đa : HS ghi có ý gần đúng ( 1,0 đ).

 + Không đạt: học sinh không nêu được hoặc nêu sai nội dung. (0đ)

 *( Đây là câu hỏi sáng tạo học sinh có thể chọn cách trả lời khác miễn sao diễn đạt mạch lạc thuyết phục thì giáo viên cho điểm.)*

c. Học sinh chỉ ra được từ láy: hổn hển , quằn quại (1.0đ)

 Hai từ ghép đẳng lập: lo sợ, tức giận (1,0 đ)

 + Mức tối đa ( 1đ): HS xác định đúng 2 từ láy, 2 từ ghép đẳng lập .(2.0 đ)

 + Chưa tối đa: Học sinh chỉ xác định đúng được 1 trong 2 từ (1,0 đ)

 + Không đạt: Trả lời không đúng hoặc không trả lời (0đ)

 **PHẦN II** : **Làm văn (4 điểm)**

 Yêu cầu học sinh phải biết làm một bài văn hoàn chỉnh cả về phương diện nội dung và hình thức bố cục hợp lý

**a. Yêu cầu kỹ năng:**

* Viết đúng hình thức của 1 đoạn văn ngắn.
* Bài làm sạch sẽ, diễn đạt mạch lạc, rõ ràng.

- Cách dùng từ diễn đạt phù hợp, giản dị, trong sáng…

**b. Yêu cầu kiến thức:**

**\* Mở đoạn:**

- Giới thiệu về tình cảm mẹ con

**\* Thân đoạn:**

- Cảm nghĩ được tình cảm mẹ con

**\* Kết đoạn:**

- Khẳng định tình cảm mẹ con thiêng liêng, cao quý

 **c. Biểu điểm**

**Điểm 3.5 - 4.0:**

- HS hiểu đề, nội dung phong phú.

- Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc.

- Mắc ít lỗi chính tả có thể chấp nhận được.

- Bài làm có bố cục mạch lạc, rõ ràng; có lời văn gợi cảm; chữ viết sạch đẹp.

**Điểm 3.0 – 3.5:**

- HS hiểu đề, nội dung hoàn chỉnh.

- Diễn đạt đôi chỗ còn lúng túng, mắc lỗi chính tả có thể chấp nhận được.

- Bài làm có bố cục rõ ràng, mạch lạc, chữ viết sạch đẹp.

**Điểm 1.5 - 2.0:**

- Bài làm có nội dung trình bày không theo trình tự hợp lý.

- Diễn đạt lủng củng, bài làm còn gạch xóa, mắc nhiều lỗi chính tả.

- Chữ viết không rõ nét.

**Điểm 0.5 - 1.0:**

- Nội dung rất sơ sài tỏ ra không hiểu bài.

- HS chưa hoàn thiện bố cục bài viết (thiếu kết luận).

- Chữ viết xấu, không rõ ràng, mắc nhiều lỗi chính tả.

 **Điểm 0.0:**

- Bài làm lạc đề.

- Bỏ giấy trắng.

 HỌC SINH LÀM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ